

SARC 2017-18

PHIẾU ĐIỂM TRÁCH NHIỆM TRƯỜNG HỌC

XUẤT BẢN NĂM HỌC 2018-19



Trường tiểu học Orchard

Địa chỉ: 921 Fox Ln. San Jose, CA 95131-1602

Hiệu trưởng: Michelle Quilantang

Điện thoại: (408) 944-0388

Email: mquilantang@orchardsd.org

Trang mạng: www.orchardsd.org

Mã số CDS: 43696336048185



Trường tiểu học Orchard

Tổng Quản nhiệm: Wendy Gudalewicz

Điện thoại: (408) 944-0397

Email: wgudalewicz@orchardsd.org

Trang mạng: www.orchardsd.org



I DỮ LIỆU VÀ TRUY CẬP

Đến ngày 1 tháng 2 hàng năm, tất cả các trường học trong California cần phải xuất bản Phiếu điểm Trách nhiệm Trường học (SARC) dựa theo luật tiểu bang. SARC bao gồm thông tin về tình trạng và hiệu suất của từng trường công lập ở California. Theo Công thức tài trợ kiểm soát cục bộ (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) được yêu cầu chuẩn bị Kế hoạch kiểm soát và trách nhiệm địa phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đáp ứng các mục tiêu về thể của trường cho mọi học sinh, với các hoạt động cụ thể giải quyết các ưu tiên của nhà nước và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải phù hợp với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các quy định của SARC, hãy xem trang mạng của Sở Giáo dục California (CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, hãy xem trang mạng LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về nhà trường, các phụ huynh/giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên lạc với hiệu trưởng hoặc sở học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến trên trang mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> mà có chứa thông tin bổ sung về trường này và các so sánh về trường trong toàn học khu hoặc hạt. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu về các cuộc kiểm tra, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, đăng ký khóa học, nhân sự và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Truy cập mạng

Mạng trực tuyến có thể được truy cập tại các thư viện công cộng và các địa điểm cho phép công chúng tiếp cận (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Việc truy cập mạng tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được cung cấp trên cơ sở ai đến trước được dùng trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ làm việc, thời gian sử dụng máy (tùy theo lúc có sẵn máy hay không), các loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy và khả năng in tài liệu.

II GIỚI THIỆU

Thông tin liên lạc của Sở học chánh

Năm mới nhất

Tên học khu: Tiểu học Orchard
 Số điện thoại: (408) 944-0397
 Tổng Quản nhiệm: Wendy Gudalewicz
 Địa chỉ E-mail: wgudalewicz@orchardsd.org
 Trang mạng: www.orchardsd.org

Thông tin liên lạc của Trường

Năm mới nhất

Tên trường: Tiểu học Orchard
 Địa chỉ: 921 Fox Ln.
 Thành phố, Tiểu bang, số Zip: San Jose, CA 95131-1602
 Số điện thoại: (408) 944-0388
 Hiệu trưởng: Michelle Quilantang
 Địa chỉ E-mail: mquilantang@orchardsd.org
 Trang mạng: www.orchardsd.org
 Mã số Hạt-Học khu-Trường (CDS): 43696336048185

Nhà trường và Lời tuyên bố về Sứ mệnh (Năm học 2018-19)

Học khu Trường Orchard được thành lập vào năm 1856 bởi những người tiên phong đầu tiên của Thung lũng Santa Clara và là một trong những trường đầu tiên ở San Jose, California. Học khu đã tồn tại hơn 150 năm. Trường được thành lập theo nguyên tắc là một trường độc lập, chuyên phục vụ nhu cầu của cộng đồng. Nằm trong trung tâm Thung lũng Silicon, các vườn cây ăn quả và vườn tược trước đây đã được thay thế bởi các trung tâm kinh doanh và thương mại. Ngày nay, Học khu Orchard phục vụ nhu cầu của học sinh từ lớp mẫu giáo chuyển tiếp đến lớp tám trong một cơ sở hiện đại, xinh đẹp, và tối tân nhằm cung cấp một trung tâm cho cả trường học và các cuộc họp mặt cộng đồng.

Học khu có chương trình trước và sau giờ học cho trẻ em đến tuổi đi học và chương trình mầm non được điều hành bởi Hội đồng Chăm sóc Trẻ em Cộng đồng (4Cs). Học khu có ba lớp học giáo dục đặc biệt thuộc hạt Santa Clara dành cho học sinh tự kỷ. Hội đồng Giáo dục đã cam kết cung cấp sự lãnh đạo và phương hướng để thúc đẩy một môi trường giáo dục đặt học sinh lên hàng đầu. Hội đồng đã thiết lập các niềm tin cốt lõi hiện đang hướng dẫn học khu thông qua cải tiến liên tục.

- Chúng tôi hoàn toàn cam kết cung cấp một môi trường học tập nổi bật, đảm bảo sự xuất sắc và thành tích cho tất cả học sinh của chúng tôi..
- Chúng tôi tin rằng các giáo viên và nhân viên là tài sản và tài nguyên quý giá nhất của chúng tôi.
- Chúng tôi đáng tin cậy và tận tâm với trách nhiệm tài chính.
- Chúng tôi tin tưởng và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của Học khu Orchard.
- Chúng tôi hoạt động cởi mở với sự tin tưởng và liêm chính trong một cách chuyên nghiệp trang nghiêm, đối xử với mọi người với lễ độ và tôn trọng.

Số lượng học sinh theo khối lớp (Năm học 2017-18)

| Khối lớp | Số lượng học sinh |
|------------------|-------------------|
| Mẫu giáo | 118 |
| Lớp 1 | 91 |
| Lớp 2 | 86 |
| Lớp 3 | 112 |
| Lớp 4 | 93 |
| Lớp 5 | 85 |
| Lớp 6 | 108 |
| Lớp 7 | 81 |
| Lớp 8 | 100 |
| Tổng số học sinh | 874 |

Số lượng học sinh theo nhóm (Năm học 2017-18)

| Nhóm học sinh | Tỷ lệ số học sinh |
|------------------------------|-------------------|
| Da đen hoặc Mỹ Châu Phi | 4.8% |
| Mỹ thổ địa hoặc A-las-ka | 0.6% |
| Châu Á | 35.2% |
| Phi-lip-pin | 9.4% |
| Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | 36% |
| Hawaiian/Thái Bình Dương | 2.4% |
| Da trắng | 6.9% |
| Lai hai chủng tộc trở lên | 3.7% |
| Bất lợi về kinh tế và xã hội | 52.5% |
| Đang học Anh ngữ | 47.9% |
| Bị khuyết tật | 6.2% |
| Trong chương trình con nuôi | 0.3% |

A. TÌNH TRẠNG HỌC VẤN

ƯU TIÊN CỦA TIỂU BANG: CĂN BẢN

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiêu của Tiểu bang: Căn bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ mà giáo viên được phân công thích hợp và có bằng sư phạm đầy đủ trong môn học và cho học sinh mà họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất trường học được duy trì trong tình trạng tốt.

Bằng Sư phạm

| Giáo viên | Trường 2016-17 | Trường 2017-18 | Trường 2018-19 | Học khu 2018-19 |
|---|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| Có bằng sư phạm đầy đủ | 46 | 45 | 46 | 46 |
| Chưa có bằng sư phạm | 1 | 0 | 1 | 1 |
| Dạy môn học không thuộc lĩnh vực chuyên môn (có bằng sư phạm) | 1 | 0 | 0 | 0 |

Phân công giáo viên không phù hợp và các chức giáo viên còn trống

| Chỉ dấu | 2016-17 | 2017-18 | 2018-19 |
|--|---------|---------|---------|
| Phân công giáo viên không phù hợp để dạy học sinh đang học Anh ngữ | 1 | 0 | 0 |
| Tổng số giáo viên không phù hợp cho việc được phân công* | 1 | 0 | 0 |
| Số chức giáo viên còn trống | 1 | 0 | 0 |

Ghi chú: “Phân công không phù hợp” ám chỉ các chức giáo viên được giữ bởi những nhân viên thiếu giấy phép để dạy khối lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v..

* Tổng số giáo viên không phù hợp bao gồm số giáo viên không phù hợp dạy học sinh đang học Anh ngữ.

Chất lượng, sự hiện hành, có sẵn của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy (Năm học 2018-19)

Phần này cho biết các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy được sử dụng tại trường có phải là mới được chọn gần đây nhất hay không; liệu có đủ sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho mỗi học sinh hay không; và thông tin về việc nhà trường sử dụng bất kỳ chương trình giảng dạy bổ sung hoặc sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy không được chấp thuận.

Tháng và năm thu thập dữ liệu: Tháng 1 năm 2019

| Môn | Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy / năm được chọn | Phiên bản mới nhất? | % học sinh thiếu sách/tài liệu để dùng riêng |
|----------------|---|---|--|
| Độc/Văn chương | National Geographic Wonders (TK-3) 2017 Expeditionary Learning (4-8) 2017 Lucy Calkins Writer's Workshop (K-5) 2013 | Tất cả các học sinh đều có phiên bản mới nhất của bộ sách trong tình trạng tốt. | 0% |

| Môn | Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy / năm được chọn | Phiên bản mới nhất? | % học sinh thiếu sách/tài liệu để dùng riêng |
|---|--|---|--|
| Toán học | EngageNY Mathematics (K-8) 2016 | Tất cả các học sinh đều có phiên bản mới nhất của bộ sách trong tình trạng tốt. | 0% |
| Khoa học | Houghton Mifflin California Science (K-5) 2007 Holt California Earth, Life, Physical Science (6-8) 2007 | Tất cả các học sinh đều có phiên bản mới nhất của bộ sách trong tình trạng tốt. | 0% |
| Lịch sử-Khoa học Xã hội | Pearson (TK-2) 2018 Teachers Curriculum Institute (3-8) 2018 | Tất cả các học sinh đều có phiên bản mới nhất của bộ sách trong tình trạng tốt. | 0% |
| Ngoại ngữ | Không ứng dụng | Không ứng dụng | 0% |
| Sức khỏe | Không ứng dụng | Không ứng dụng | 0% |
| Nghệ thuật tạo hình và biểu diễn | Không ứng dụng | Không ứng dụng | 0% |
| Thiết bị Phòng thí nghiệm Khoa học (Lớp 9-12) | Không ứng dụng | Không ứng dụng | 0% |

Tình trạng Cơ sở trường học và các cải thiện được hoạch định

Khuôn viên trường Orchard được khoảng 20 tuổi và vẫn giữ được dáng vẻ của một ngôi trường mới. Trường đáp ứng tất cả các yêu cầu được nêu trong luật Williams. Không có khiếu nại của phụ huynh về sự sạch sẽ hoặc sự hư hỏng của cơ sở. Hội đồng Giáo dục đã ủy quyền cho một số dự án xây dựng để tăng cường các chương trình giáo dục cho học sinh trong bảy năm qua, bao gồm Trung tâm Sự kiện Event Center, sân chơi được thiết kế lại, các tấm thu năng lượng mặt trời trong khu vực đỗ xe, lớp học và khu vực chung được sửa sang lại, và công nghệ lớp học được nâng cấp, bao gồm máy chiếu tường, máy chụp giấy tờ, micrô và loa cho giáo viên. Hội đồng Giáo dục luôn tìm kiếm những cách thức mới để cải thiện và nâng cao sân trường và cơ sở vật chất.

Trạng thái tu sửa cơ sở nhà trường

Dùng các dữ liệu FIT gần đây nhất (hoặc tương đương), cung cấp các thông tin sau:

- Xác định trạng thái sửa chữa cho các hệ thống được liệt kê
- Mô tả bất kỳ việc bảo trì nào cần thiết để đảm bảo việc sửa chữa tốt
- Năm và tháng mà dữ liệu được thu thập
- Xếp hạng tổng thể

Tháng và năm các dữ liệu được thu thập: Tháng 1 năm 2019

| Hệ thống được kiểm soát | Tốt | Trung bình | Tệ | Phần cần sửa và hành động đã được thi hành hoặc được hoạch định |
|-------------------------|-----|------------|----|---|
|-------------------------|-----|------------|----|---|

| Hệ thống được kiểm soát | Tốt | Trung bình | Tệ | Phần cần sửa và hành động đã được thi hành hoặc được hoạch định |
|---|-----|------------|----|---|
| Hệ thống: Ga bị rò rỉ, Cơ khí/HVAC, cống thoát nước | ✓ | - | - | Hệ thống ga được bảo trì và cập nhật khi cần thiết. |
| Nội thất: Bề mặt nội thất | - | ✓ | - | |
| Vệ sinh: sự sạch sẽ tổng thể, các loài gây hại | - | ✓ | - | |
| Điện: Điện | ✓ | - | - | |
| Phòng vệ sinh/Đài phun nước: Phòng vệ sinh, bồn rửa/Đài phun nước | ✓ | - | - | |
| An toàn: An toàn lửa cháy, vật liệu nguy hiểm | ✓ | - | - | |
| Cấu trúc: Hư hại về cấu trúc, mái nhà | ✓ | - | - | |
| Bên ngoài: sân chơi/sân trường, cửa sổ/cửa ra vào/cống/hàng rào | - | ✓ | - | |

Đánh giá cơ sở tổng thể

Tháng và năm các dữ liệu được thu thập: Tháng 1 năm 2019

| | Gương mẫu | Tốt | Trung bình | Tệ |
|-------------------|-----------|-----|------------|----|
| Đánh giá tổng thể | - | ✓ | - | - |

B. THÀNH QUẢ CỦA HỌC SINH

ƯU TIÊN CỦA TIỂU BANG: THÀNH TÍCH CỦA HỌC SINH

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến ưu tiên của Bang: Thành tích Học sinh (Ưu tiên 4):

- Đánh giá toàn tiểu bang (ví dụ: Hệ thống đánh giá và tiến bộ của học sinh California [CAASPP], bao gồm Đánh giá Smarter Balanced Summative Assessments cho học sinh trong cộng đồng giáo dục phổ thông và Đánh giá California Alternate Assessments [CAA] về Anh văn/Đọc viết chữ [ELA] và toán được đưa ra cho lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể lấy bài thi CAA. Các mục CAA ăn khớp với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, được liên kết với Tiêu chuẩn Common Core State Standards [CCSS] cho các học sinh bị khuyết tật đáng kể về nhận thức); và
- Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng các yêu cầu để vào Trường Đại học University of California và California State University, hoặc các chương trình giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Kết quả bài thi CAASPP của ELA và Toán cho mọi học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11

| Môn | Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang |
|-----|---|
|-----|---|

| | Trường | | Học khu | | Tiểu bang | |
|----------------------------------|---------|---------|---------|---------|-----------|---------|
| | 2016-17 | 2017-18 | 2016-17 | 2017-18 | 2016-17 | 2017-18 |
| Anh văn/Đọc viết (Lớp 3-8 và 11) | 51% | 55% | 51% | 55% | 48% | 50% |
| Toán (Lớp 3-8 và 11) | 46% | 50% | 46% | 50% | 37% | 38% |

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số lượng học sinh được kiểm tra là mười hoặc ít hơn, vì số lượng học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của các em.

Lưu ý: ELA và kết quả kiểm tra toán học bao gồm Smarter Balanced Summative Assessment và CAA. Phần “Tỷ lệ phần trăm đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong Đánh giá Smarter Balanced Summative Assessment cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (ví dụ: đạt được cấp 3 của phần Alternate) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai kỳ thi.

Kết quả thi CAASPP thuộc ELA theo nhóm học sinh Lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11(Năm học 2017-18)

| Nhóm học sinh | Số lượng | Số học sinh thi | Tỷ lệ thi | Tỷ lệ đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn |
|------------------------------|----------|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| Tất cả các học sinh | 567 | 561 | 98.94% | 55.00% |
| Nam | 289 | 284 | 98.27% | 50.88% |
| Nữ | 278 | 277 | 99.64% | 59.21% |
| Da đen hoặc Mỹ Châu Phi | 23 | 22 | 95.65% | 63.64% |
| Mỹ thổ địa hoặc A-las-ka | -- | -- | -- | -- |
| Châu Á | 203 | 202 | 99.51% | 67.16% |
| Phi-lip-pin | 51 | 51 | 100.00% | 66.67% |
| Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | 204 | 202 | 99.02% | 36.63% |
| Hawaiian/Thái Bình Dương | 16 | 16 | 100.00% | 56.25% |
| Da trắng | 36 | 35 | 97.22% | 57.14% |
| Lai hai chủng tộc trở lên | 26 | 26 | 100.00% | 69.23% |
| Bất lợi về kinh tế và xã hội | 276 | 272 | 98.55% | 41.18% |
| Đang học Anh ngữ | 319 | 317 | 99.37% | 49.05% |
| Bị khuyết tật | 32 | 32 | 100.00% | 43.75% |

Học sinh đang nhận dịch vụ Giáo dục cho Di dân

Các em trong chương trình làm con nuôi

Lưu ý: ELA và kết quả kiểm tra toán học bao gồm Smarter Balanced Summative Assessment và CAA. Phần “Tỷ lệ phần trăm đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong Đánh giá Smarter Balanced Summative Assessment cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (ví dụ: đạt được cấp 3 của phần Alternate) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai kỳ thi.

Lưu ý: Hai gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười hoặc ít hơn, vì số lượng học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của các em.

Lưu ý: Số lượng học sinh được kiểm tra bao gồm tất cả các học sinh tham gia bài kiểm tra cho dù họ có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được kiểm tra không phải là số được sử dụng để tính tỷ lệ phần trăm mức thành tích. Tỷ lệ phần trăm mức thành tích được tính bằng cách chỉ sử dụng những học sinh nhận được điểm.

**Kết quả thi CAASPP trong Toán theo nhóm học sinh
Lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 (Năm học 2017-18)**

| Nhóm học sinh | Số lượng | Số học sinh thi | Tỷ lệ thi | Tỷ lệ đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn |
|------------------------------|----------|-----------------|-----------|-----------------------------------|
| Tất cả các học sinh | 567 | 560 | 98.77% | 50.18% |
| Nam | 289 | 283 | 97.92% | 50.00% |
| Nữ | 278 | 277 | 99.64% | 50.36% |
| Da đen hoặc Mỹ Châu Phi | 23 | 22 | 95.65% | 45.45% |
| Mỹ thổ địa hoặc A-las-ka | -- | -- | -- | -- |
| Châu Á | 203 | 202 | 99.51% | 71.29% |
| Phi-lip-pin | 51 | 51 | 100.00% | 62.00% |
| Tây Ban Nha hoặc Mỹ La-tin | 204 | 201 | 98.53% | 24.00% |
| Hawaiian/Thái Bình Dương | 16 | 16 | 100.00% | 50.00% |
| Da trắng | 36 | 35 | 97.22% | 57.14% |
| Lai hai chủng tộc trở lên | 26 | 26 | 100.00% | 57.69% |
| Bất lợi về kinh tế và xã hội | 276 | 272 | 98.55% | 32.84% |
| Đang học Anh ngữ | 319 | 316 | 99.06% | 49.68% |
| Bị khuyết tật | 32 | 32 | 100.00% | 38.71% |

Học sinh đang nhận dịch vụ Giáo dục cho Di dân

Các em trong chương trình làm con nuôi

Lưu ý: ELA và kết quả kiểm tra toán học bao gồm Smarter Balanced Summative Assessment và CAA. Phần “Tỷ lệ phần trăm đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong Đánh giá Smarter Balanced Summative Assessment cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (ví dụ: đạt được cấp 3 của phần Alternate) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai kỳ thi.

Lưu ý: Hai gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười hoặc ít hơn, vì số lượng học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của các em.

Lưu ý: Số lượng học sinh được kiểm tra bao gồm tất cả các học sinh tham gia bài kiểm tra cho dù họ có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được kiểm tra không phải là số được sử dụng để tính tỷ lệ phần trăm mức thành tích. Tỷ lệ phần trăm mức thành tích được tính bằng cách chỉ sử dụng những học sinh nhận được điểm.

**Kết quả thi CAASPP trong Khoa học cho mọi học sinh
Lớp 5, 8, và Trung học**

| Môn | Tỷ lệ học sinh đã đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của Tiểu bang | | | | | |
|----------------------------|--|---------|---------|---------|-----------|---------|
| | Trường | | Học khu | | Tiểu bang | |
| | 2016-17 | 2017-18 | 2016-17 | 2017-18 | 2016-17 | 2017-18 |
| Khoa học (Lớp 5, 8, và 10) | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A | N/A |

Lưu ý: Các ô nói “N/A” không cần có dữ liệu.

Lưu ý: Dữ liệu năm 2016-17 và năm 2017-18 không có sẵn. CDE đang phát triển một đánh giá khoa học mới dựa trên Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ tiếp theo cho các Trường Công lập California (CA NGSS). Bài kiểm tra Khoa học California (CAST) mới đã được thử nghiệm vào mùa xuân năm 2017 và được thử nghiệm tại trường vào mùa xuân năm 2018. CAST sẽ được thực hiện trong suốt năm học 2018. CAA cho Khoa học đã được thử nghiệm trong hai năm (ví dụ: năm 2016-17 và năm 2017-18) và CAA cho Khoa học sẽ được thử nghiệm tại trường vào năm 2018-19.

Lưu ý: Kết quả kiểm tra khoa học bao gồm CAST và CAA cho Khoa học. Phần “Tỷ lệ phần trăm đã đạt hoặc vượt quá mức” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (ví dụ: đạt được cấp 3-Alternate) trong CAA cho Khoa học chia tổng số học sinh tham gia cả hai kỳ thi.

ƯU TIÊN CỦA TIỂU BANG: THÀNH QUẢ KHÁC CỦA HỌC SINH

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành quả khác của Học sinh (Ưu tiên 8):

- Thành quả học sinh trong môn Thể dục.

Kết quả thi Thể dục California (Năm học 2017-18)

| Lớp | Tỷ lệ học sinh đạt được 4 trong 6 tiêu chuẩn thể dục | Tỷ lệ học sinh đạt được 5 trong 6 tiêu chuẩn thể dục | Tỷ lệ học sinh đạt được 6 trong 6 tiêu chuẩn thể dục |
|-----|--|--|--|
| 5 | 17.10% | 13.40% | 4.90% |
| 7 | 26.50% | 37.30% | 25.30% |
| 9 | | | |

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số lượng học sinh được kiểm tra là mười hoặc ít hơn, vì số lượng học sinh trong danh mục này quá nhỏ so với độ chính xác thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

THAM GIA

ƯU TIÊN CỦA TIỂU BANG: SỰ THAM GIA CỦA PHỤ HUYNH

SARC cung cấp các thông tin sau đây liên quan đến Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3):

- Nỗ lực của sở học chánh thu thập ý kiến của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định sở học chánh và từng trường

Các cơ hội cho phụ huynh tham gia - (Năm học 2018-19)

Trường Orchard cam kết cung cấp một loạt các hoạt động và sự kiện để mang cộng đồng và phụ huynh lại với nhau để thúc đẩy sự tham gia vào quá trình giáo dục. Sự tham gia của phụ huynh và tinh thần của học sinh tiếp tục tăng vọt. Điều này là nhờ một Hiệp hội Phụ huynh-Giáo viên (PTA) tích cực, cũng như các nhân viên nhà trường là những người chào đón và mời các gia đình đến trường.

Theo kết quả khảo sát sự tham gia của phụ huynh, phụ huynh và học sinh cho biết rằng họ cảm thấy được hoan nghênh và tự hào là một phần của cộng đồng Trường học Orchard. Trong suốt năm học, có nhiều hoạt động khác nhau để thể hiện tài năng và học tập của học sinh, bao gồm Buổi hội trường Back-to-School Night, Tham quan Trường lớp và các chương trình thi tài năng học sinh khác nhau. Phụ huynh cũng được mời tham gia quản trị trường thông qua Hội đồng trường / Ủy ban tư vấn người học tiếng Anh, PTA và Uống cà phê với Hiệu trưởng. Điểm nổi bật của các sự kiện cộng đồng/phụ huynh bao gồm Buổi tối xem phim của PTA, Buổi khiêu vũ Dollar, Lễ hội Halloween hàng năm và Đêm văn hóa gia đình.

ƯU TIÊN CỦA TIỂU BANG: MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

SARC cung cấp các thông tin sau đây liên quan đến Ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường trong Nhà trường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ phạt học sinh tạm ngừng đến trường;
- Tỷ lệ trục xuất học sinh; và
- Các biện pháp khác tại địa phương về an toàn.

Việc học sinh bị tạm ngừng đến trường và bị trục xuất

| Tỷ lệ* | Trường | | | Học khu | | | Tiểu bang | | |
|----------------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----------|---------|---------|
| | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 | 2015-16 | 2016-17 | 2017-18 |
| Tạm ngừng đến trường | 1.67 | 2.88 | 1.85 | 1.66 | 2.87 | 1.84 | 3.65 | 3.65 | 3.51 |
| Trục xuất | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 0.09 | 0.09 | 0.08 |

Kế hoạch an toàn của nhà trường – (Năm học 2018-19)

Trường học đã thành lập các bước thi hành an toàn trong trường học, được liệt kê như một phần của Kế hoạch An toàn toàn diện cho Trường học. Những thi hành này được thực hiện thông qua các cuộc thực tập drill hàng tháng được thực hiện bởi nhân viên nhà trường. Hàng năm, học sinh và nhân viên được huấn luyện theo các quy trình và hành vi phù hợp trong các trường hợp khẩn cấp khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn với các cảnh báo động đất, hỏa hoạn và khóa lớp lại. Quá trình khóa lớp lại đã được Sở Cảnh sát San Jose giúp. Lời góp ý từ các phụ huynh, nhân viên và cộng đồng, cũng như góp ý từ các cơ quan chính quyền địa phương, đã được đưa vào Kế hoạch An toàn toàn diện cho Trường học. Kế hoạch An toàn toàn diện cho Trường học được xem xét hàng năm bởi Hội đồng Trường, cũng như hội đồng trường. Hội đồng Giáo dục xem xét và phê duyệt các quy trình được liệt kê trong Kế hoạch An toàn toàn diện cho Trường học.

D. CÁC THÔNG TIN SARC KHÁC

Thông tin trong phần này cần có trong SARC nhưng không có trong các ưu tiên của tiểu bang cho LCFF.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp I)

| Lớp | Lượng học sinh trung bình | 2015-16 Số lớp học * | | |
|-----------------|---------------------------|-------------------------|-------|-----|
| | | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| Mẫu giáo | 19 | 2 | 4 | 0 |
| 1 | 20 | 2 | 1 | 0 |
| 2 | 19 | 4 | 0 | 0 |
| 3 | 28 | 0 | 3 | 1 |
| 4 | 29 | 0 | 4 | 0 |
| 5 | 24 | 1 | 3 | 0 |
| 6 | 27 | 4 | 14 | 2 |
| Khối lớp khác** | 16 | 1 | 1 | 0 |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

*

*Thành phần “Khối lớp khác” là cho các phòng học gồm nhiều khối lớp.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp I)

| Lớp | Lượng học sinh trung bình | 2016-17 Số lớp học * | | |
|-----------------|---------------------------|-------------------------|-------|-----|
| | | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| Mẫu giáo | 18 | 4 | 3 | |
| 1 | 21 | | 3 | |
| 2 | 21 | 3 | 2 | |
| 3 | 22 | | 5 | |
| 4 | 23 | 1 | 3 | |
| 5 | 22 | 1 | 4 | |
| 6 | 18 | 17 | 5 | 1 |
| Khối lớp khác** | | | | |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

*

*Thành phần “Khối lớp khác” là cho các phòng học gồm nhiều khối lớp.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp I)

| Lớp | Lượng học sinh trung bình | 2017-18 Số lớp học * | | |
|----------|---------------------------|-------------------------|-------|-----|
| | | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| Mẫu giáo | 23 | 0 | 5 | 0 |

| Lớp | Lượng học sinh trung bình | 2017-18 Số lớp học * | | |
|-----------------|---------------------------|-------------------------|-------|-----|
| | | 1-20 | 21-32 | 33+ |
| 1 | 22 | 1 | 3 | 0 |
| 2 | 21 | 1 | 3 | 0 |
| 3 | 24 | 0 | 4 | 0 |
| 4 | 25 | 0 | 4 | 0 |
| 5 | 23 | 1 | 3 | 0 |
| 6 | 26 | 6 | 11 | 4 |
| Khối lớp khác** | 9 | 1 | 0 | 0 |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

*

*Thành phần “Khối lớp khác” là cho các phòng học gồm nhiều khối lớp.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp II)

| Môn | Lượng học sinh trung bình | 2015-16 Số lớp học * | | |
|-----------------|---------------------------|-------------------------|-------|-----|
| | | 1-22 | 23-32 | 33+ |
| Anh ngữ | 21 | 5 | 5 | 0 |
| Toán | 11 | 2 | 0 | 0 |
| Khoa học | 21 | 3 | 6 | 0 |
| Khoa học Xã hội | 22 | 6 | 4 | 0 |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

Ở trường cấp II, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì khối lớp.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp II)

| Môn | Lượng học sinh trung bình | 2016-17 Số lớp học* | | |
|-----------------|---------------------------|------------------------|-------|-----|
| | | 1-22 | 23-32 | 33+ |
| Anh ngữ | 21 | 7 | 5 | 0 |
| Toán | 9 | 2 | 0 | 0 |
| Khoa học | 22 | 4 | 5 | 0 |
| Khoa học Xã hội | 22 | 3 | 6 | 0 |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

Ở trường cấp II, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì khối lớp.

Lượng học sinh trung bình của lớp học và việc phân phối học sinh cho mỗi lớp (Cấp II)

| Môn | Lượng học sinh trung bình | 2017-18 Số lớp học* | | |
|-----------------|---------------------------|---------------------|-------|-----|
| | | 1-22 | 23-32 | 33+ |
| Anh ngữ | 17 | 8 | 5 | 0 |
| Toán | 18 | 7 | 3 | 0 |
| Khoa học | 23 | 3 | 5 | 0 |
| Khoa học Xã hội | 20 | 6 | 2 | 1 |

* Số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp rơi vào mỗi thành phần (tổng số học sinh cho mỗi lớp).

Ở trường cấp II, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì khối lớp.

Nhà cố vấn việc học và các nhân viên hỗ trợ khác (Năm học 2017-18)

| Chức vụ | Số nhân viên FTE* làm tại trường | Số học sinh trung bình cho mỗi một nhà cố vấn việc học |
|---|----------------------------------|--|
| Nhà cố vấn việc học | 1 | |
| Nhà cố vấn (Xã hội/Hành vi hoặc phát triển nghề nghiệp) | .4 | N/A |
| Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư) | 0 | N/A |
| Nhân viên Dịch vụ truyền thông thư viện (Bán chuyên nghiệp) | 1 | N/A |
| Nhà tâm lý học | .6 | N/A |
| Nhân viên Xã hội | 0 | N/A |
| Y tá | 0 | N/A |
| Chuyên gia Phát âm/Ngôn ngữ/Thính giác | 1.4 | N/A |
| Chuyên gia Tài nguyên (không dạy học) | 1 | N/A |
| Chức vụ khác | 0 | N/A |

Lưu ý: Các ô "N/A" không cần có dữ liệu.

* Một Full Time Equivalent (FTE) bằng một nhân viên làm việc nguyên ngày; một FTE cũng có thể tương đương hai nhân viên làm nửa ngày.

Chi phí cho mỗi học sinh và lương bổng của mỗi giáo viên tại trường (Năm tài chính 2016-17)

| Địa điểm | Tổng cộng chi phí cho mỗi học sinh | Tổng cộng chi phí cho mỗi học sinh (Hạn chế) | Chi phí cho mỗi học sinh (Không hạn chế) | Mức lương trung bình của giáo viên |
|---|------------------------------------|--|--|------------------------------------|
| Trường học | \$6319.57 | \$1326.47 | \$4993.10 | \$58309.63 |
| Sở học chánh | N/A | N/A | \$5348.30 | \$67267 |
| Tỷ lệ chênh lệch – Trường và Sở học chánh | N/A | N/A | 6.87% | 12.57% |
| Tiểu bang | N/A | N/A | \$712 | \$63218 |
| Tỷ lệ chênh lệch – Trường và Tiểu bang | N/A | N/A | -35.58% | 19.29% |

Lưu ý: Các ô "N/A" không cần có dữ liệu.

Các loại dịch vụ được tài trợ (Năm tài chính 2017-18)

Trường Orchard nhận được tài trợ của tiểu bang và liên bang để cân bằng cơ hội cho các học sinh có nguy cơ. Học sinh hạn chế về Anh ngữ được hỗ trợ từ các trợ lý nói ngôn ngữ chính là tiếng Việt và tiếng Tây Ban Nha. Title I, học sinh đạt kết quả thấp, được hỗ trợ bởi một chuyên gia đọc. Nhà trường đã thực hiện một số chương trình can thiệp trước và sau giờ học cho môn Anh văn và toán học để hỗ trợ học sinh kém trình độ theo cấp lớp. Nhiều giáo viên tiến hành các buổi dạy kèm sau giờ học để giúp học sinh hiểu nội dung chính của bài học. Ngoài ra, các tình nguyện viên giúp các học sinh trong phần đọc và các lớp can thiệp được cung cấp sau giờ học cho ELA, ELD và Toán học. Mỗi mùa hè, một chương trình học hè cho những người em có nguy cơ được thực hiện để củng cố các kỹ năng cơ bản. Cơ quan 4C điều hành một chương trình giáo dục mầm non có tính phí trong khuôn viên trường Orchard để phục vụ trẻ sơ sinh đến bốn tuổi.

Ngoài ra, sở học chánh đã phát triển một loạt các cơ hội cho học sinh giáo dục đặc biệt trong khuôn viên sở học chánh. Từ chương trình giáo dục mầm non của học khu đến các lớp tự kỷ của hạt, trường chấp nhận và hòa nhập các học sinh có nhu cầu đặc biệt trong một môi trường được bảo vệ an toàn. Chương trình thành công này tiếp tục phát triển và phục vụ nhiều học sinh hơn.

Lương của giáo viên và Nhà điều hành (Năm tài chính 2016-17)

| Thành phần | Lương trả bởi Sở học chánh | Mức lương trung bình cho thành phần tương tự tại các sở học chánh trong toàn tiểu bang |
|---|----------------------------|--|
| Lương khởi đầu của giáo viên | \$48500 | \$44375 |
| Lương trung bình của giáo viên | \$82737 | \$65926 |
| Lương cao nhất của giáo viên | \$90467 | \$82489 |
| Lương trung bình của Hiệu trưởng (Cấp I) | \$124592 | \$106997 |
| Lương trung bình của Hiệu trưởng (Cấp II) | \$0 | \$109478 |
| Lương trung bình của Hiệu trưởng (Cấp III) | \$0 | |
| Lương của Tổng Quản nhiệm | \$148283 | \$121894 |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương của giáo viên | 40% | 32% |
| Tỷ lệ ngân sách cho lương của các nhà điều hành | 6% | 7% |

Lưu ý: Để biết thêm chi tiết về lương bổng, xin hãy xem phần Certificated Salaries & Benefits của Sở Giáo dục California tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Đào tạo chuyên nghiệp

Phần này cung cấp thông tin về số ngày học hàng năm được dành cho phần đào tạo nhân viên trong chu kỳ ba năm gần đây nhất.

Từ năm học 2015-16, Sở học chánh Orchard dành ba ngày không dạy học sinh để đào tạo các giáo viên. Điều này đã được tiến hành trong ba năm qua với nhiều thành công. Giáo viên nhận được sự đào tạo chuyên nghiệp liên quan đến các tài liệu theo tiêu chuẩn kết hợp với việc áp dụng và thực hiện chương trình giảng dạy. Nhân viên mới được huấn luyện bởi các đồng nghiệp và nhà cung cấp hỗ trợ BTSA của họ. Giáo viên cũng được đào tạo về việc tích hợp công nghệ vào việc giảng dạy trong các lĩnh vực giảng dạy chính. Giáo viên nhận được hướng dẫn về cách sử dụng dữ liệu để đưa ra quyết định giảng dạy trong lớp học. Kỷ luật, động lực và tham gia của học sinh là những chủ đề thảo luận quan trọng trong những ngày đào tạo giáo viên. Ngoài ra, nhiều giáo viên tham gia các hội thảo phát triển chuyên nghiệp tại Văn phòng Giáo dục Hạt Santa Clara trong suốt năm học trong khi họ tiếp tục áp dụng các tiêu chuẩn Common Core State Standards. Những giáo viên này sau đó trở về từ các khóa đào tạo của họ và huấn luyện các nhân viên khác lại. Giáo viên cũng có cơ hội tham dự Học viện mùa hè của trường Cao đẳng Sư phạm về phần dạy đọc và viết.